TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **59**/2025/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 04 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2025/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa:

* Nguyên đơn: Anh Chiêm T.T1, sinh năm 1983. Căn cước công dân số 095083002175; Ngày cấp: 05/7/2023; Nơi cấp: Bộ Công an. Địa chỉ: Khóm Đ1, phường H1, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Chị Nguyễn T.T2, sinh năm 1983. Căn cước công dân số 095183002480; Ngày cấp: 05/7/2023; Nơi cấp: Bộ Công an. Địa chỉ: Khóm Đ1, phường H1, tỉnh Cà Mau.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chiêm T.T1 và chị Nguyễn T.T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Anh Chiêm T.T1 và chị Nguyễn T.T2 thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung:

Có ba con chung tên Chiêm T3, sinh ngày 05/01/2007, Chiêm Thị T5, sinh ngày 04/3/2013 và Chiêm T4, sinh ngày 22/4/2021. Hiện nay các con đang sống với chị T2 và anh T1. Giao cháu Chiêm Thị T5 và cháu Chiêm T4 cho anh T1 trực tiếp

nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Chị T2 không phải cấp dưỡng cho cháu T5 và cháu T4 do anh T1 không yêu cầu.

Đối với cháu Chiêm T3 do đã trưởng thành nên chị T2 và anh T1 không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4 Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, anh Tùng tự nguyện chịu toàn bộ. Anh Tùng đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011176 ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 150.000 đồng. Anh T1 được hoàn lại 150.000 đồng theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Bích Ngọc